



CHỨNG THƯ GIÁM ĐỊNH

INSPECTION CERTIFICATE

Số: Q326D104561 – Ngày: 30/09/2026



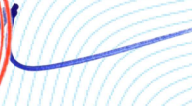
- Đơn vị yêu cầu giám định : Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp
Địa chỉ : Số 226, đường Dương Công Khi, xã Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh
- Văn bản yêu cầu giám định :
 - Giấy yêu cầu và nhận giám định số: Q326D104561 ngày 21/08/2026
- Nội dung yêu cầu giám định : Lấy mẫu và giám định chất lượng nước sinh hoạt
- Thời gian giám định : Từ 21/09/2026
- Địa điểm giám định : Nhà máy nước Tân Hiệp, số 226, đường Dương Công Khi, xã Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh
- Quy trình thực hiện : QUATEST3 3030:2025, N2.TC.N.01
- Thiết bị sử dụng :
 - Máy đo pH Seven2Go S2, Mettler Toledo – USA;
 - Máy đo Chlorine DR900, Hach – USA;
- Căn cứ áp dụng/ đánh giá : QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Kết quả giám định : Xem Phụ lục đính kèm

GIÁM ĐỊNH VIÊN



Nguyễn Xuân Nam

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Đăng Huyền

Ghi chú: Kết quả giám định này chỉ có giá trị đối với các đối tượng giám định nêu trên.

Phụ lục
CHỨNG THƯ GIÁM ĐỊNH
Số: Q326D104561 – Ngày: 30/09/2026

9.1 Nội dung thực hiện

- Vị trí lấy mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm được chỉ định bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp, cụ thể như sau:

Vị trí lấy mẫu	Ký hiệu mẫu	Chỉ tiêu thử nghiệm
Vòi nước dịch vụ tại phòng thí nghiệm	104561-NSH	10 thông số nhóm A nêu tại QCVN 01-1:2024/BYT

- Thông tin về quá trình lấy mẫu và hình ảnh mẫu niêm phong: -
- Hình ảnh vị trí lấy mẫu:



9.2 Kết quả giám định

STT	Tên thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả	Ngưỡng giới hạn cho phép ⁽¹⁾
1	pH	-	Đo tại hiện trường	7,6	Trong khoảng (6,0 – 8,5)
2	Clo dư tự do	mg/L		0,9	Trong khoảng (0,2 – 1,0)
3	Màu sắc	Pt.Co	TCVN 6185:2015	< 5	15
4	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023	< 0,5	2
5	Asen (As)	mg/L	US EPA 200.8	< 0,0005	0,01
6	Chỉ số permanganat	mg/L	TCVN 6186:1996	< 1	2
7	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	US EPA 350.2 (So màu)	< 0,1	1

Phụ lục
CHỨNG THỬ GIÁM ĐỊNH
Số: Q326D104561 – Ngày: 30/09/2026

STT	Tên thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả	Ngưỡng giới hạn cho phép ⁽¹⁾
8	Mùi	-	Cảm quan tại hiện trường	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
9	Coliform tổng số	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014/ Amd.1:2016	< 1	< 1
10	Escherichia coli	CFU/100 mL		< 1	< 1

Ghi chú:

- ⁽¹⁾ ... Ngưỡng giới hạn tối đa cho phép quy định tại QCVN 01-1:2024/BYT.
- Phương pháp thử nghiệm được công nhận ISO 17025 – VILAS 004.
 - Lĩnh vực thực hiện được công nhận ISO 17020 – VIAS 004.

Đánh giá:

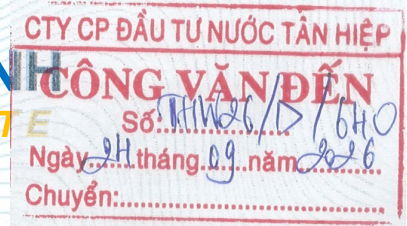
So sánh kết quả thử nghiệm các thông số của mẫu nước nêu trên so với mức quy định tương ứng tại QCVN 01-1:2024/BYT:

- + Thông số **không đạt** : -
- + Thông số **đạt** : tất cả các thông số
-



CHỨNG THƯ GIÁM ĐỊNH INSPECTION CERTIFICATE

Số: Q326D104560 – Ngày: 22/09/2026



- Đơn vị yêu cầu giám định : Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp
Địa chỉ : Số 226, đường Dương Công Khi, xã Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh
- Văn bản yêu cầu giám định :
 - Giấy yêu cầu và nhận giám định số: Q326D104560 ngày 21/08/2026
- Nội dung yêu cầu giám định : Lấy mẫu và giám định chất lượng nước sinh hoạt
- Cơ sở tiến hành giám định : QUATEST3 3030:2025, N2.TC.N.01
- Thời gian giám định : Từ 14/09/2026
- Địa điểm giám định : Nhà máy nước Tân Hiệp, số 226, đường Dương Công Khi, xã Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh
- Thiết bị sử dụng :
 - Máy đo pH Seven2Go S2, Mettler Toledo – USA;
 - Máy đo Chlorine DR900, Hach – USA;
- Căn cứ áp dụng/ đánh giá : QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Kết quả giám định : Xem Phụ lục đính kèm

GIÁM ĐỊNH VIÊN



Nguyễn Xuân Nam

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Đăng Huyền

Ghi chú: Kết quả giám định này chỉ có giá trị đối với các đối tượng giám định nêu trên.

Phụ lục
CHỨNG THƯ GIÁM ĐỊNH
Số: Q326D104560 – Ngày: 22/09/2026

9.1 Nội dung thực hiện

- Vị trí lấy mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm được chỉ định bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp, cụ thể như sau:

Vị trí lấy mẫu	Ký hiệu mẫu	Chỉ tiêu thử nghiệm
Vòi nước dịch vụ tại phòng thí nghiệm	NV04260-NSH	10 thông số nhóm A nêu tại QCVN 01-1:2024/BYT

- Thông tin về quá trình lấy mẫu và hình ảnh mẫu niêm phong: -
- Hình ảnh vị trí lấy mẫu:



9.2 Kết quả giám định

STT	Tên thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả	Ngưỡng giới hạn cho phép ⁽¹⁾
1	pH	-	Đo tại hiện trường	7,6	Trong khoảng (6,0 – 8,5)
2	Clo dư tự do	mg/L		0,8	Trong khoảng (0,2 – 1,0)
3	Màu sắc	Pt.Co	TCVN 6185:2015	< 5	15
4	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023	< 0,5	2
5	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3114B:2023	< 0,0005	0,01
6	Chỉ số permanganat	mg/L	TCVN 6186:1996	< 1	
7	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	US EPA 350.2 (So màu)	< 0,1	1

Phụ lục
CHỨNG THỬ GIÁM ĐỊNH
Số: Q326D104560 – Ngày: 22/09/2026

STT	Tên thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả	Ngưỡng giới hạn cho phép ⁽¹⁾
8	Mùi	-	Cảm quan tại hiện trường	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
9	Coliform tổng số	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014/ Amd.1:2016	< 1	< 1
10	Escherichia coli	CFU/100 mL		< 1	< 1

Ghi chú:

- ⁽¹⁾ ... Ngưỡng giới hạn tối đa cho phép quy định tại QCVN 01-1:2024/BYT.
- Phương pháp thử nghiệm được công nhận ISO 17025 – VILAS 004.
 - Lĩnh vực thực hiện được công nhận ISO 17020 – VIAS 004.

Đánh giá:

So sánh kết quả thử nghiệm các thông số của mẫu nước nêu trên so với mức quy định tương ứng tại QCVN 01-1:2024/BYT:

- + Thông số **không đạt** : -
- + Thông số **đạt** : tất cả các thông số
-



CHỨNG THƯ GIÁM ĐỊNH INSPECTION CERTIFICATE

Số: Q326D104559 - Ngày: 15/09/2026



- Đơn vị yêu cầu giám định : Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp
Địa chỉ : Số 226, đường Dương Công Khi, xã Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh
- Văn bản yêu cầu giám định :
 - Giấy yêu cầu và nhận giám định số: Q326D104559 ngày 21/08/2026
- Nội dung yêu cầu giám định : Lấy mẫu và giám định chất lượng nước sinh hoạt
- Cơ sở tiến hành giám định : QUATEST3 3030:2025, N2.TC.N.01
- Thời gian giám định : Từ 07/09/2026
- Địa điểm giám định : Nhà máy nước Tân Hiệp, số 226, đường Dương Công Khi, xã Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh
- Thiết bị sử dụng :
 - Máy đo pH Seven2Go S2, Mettler Toledo – USA;
 - Máy đo Chlorine DR900, Hach – USA;
- Căn cứ áp dụng/ đánh giá : QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.
- Kết quả giám định : Xem Phụ lục đính kèm

GIÁM ĐỊNH VIÊN



Nguyễn Xuân Nam

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Đăng Huyền

Ghi chú: Kết quả giám định này chỉ có giá trị đối với các đối tượng giám định nêu trên.

Phụ lục

CHỨNG THƯ GIÁM ĐỊNH

Số: Q326D104559 - Ngày: 15/09/2026

9.1 Nội dung thực hiện

- Vị trí lấy mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm được chỉ định bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp, cụ thể như sau:

Vị trí lấy mẫu	Ký hiệu mẫu	Chỉ tiêu thử nghiệm
Vòi nước dịch vụ tại phòng thí nghiệm	NSH	10 thông số nhóm A nêu tại QCVN 01-1:2024/BYT

- Thông tin về quá trình lấy mẫu và hình ảnh mẫu niêm phong: -
- Hình ảnh vị trí lấy mẫu:



9.2 Kết quả giám định

STT	Tên thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả	Ngưỡng giới hạn cho phép ⁽¹⁾
1	pH	-	Đo tại hiện trường	7,7	Trong khoảng (6,0 – 8,5)
2	Clo dư tự do	mg/L		0,8	Trong khoảng (0,2 – 1,0)
3	Màu sắc	Pt.Co	TCVN 6185:2015	< 5,0	15
4	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023	< 0,5	2
5	Asen (As)	mg/L	US EPA 200.8	< 0,0005	0,01
6	Chỉ số permanganat	mg/L	TCVN 6186:1996	< 1,0	2
7	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	US EPA 350.2 (So màu)	< 0,1	1

Phụ lục

CHỨNG THƯ GIÁM ĐỊNH

Số: Q326D104559 - Ngày: 15/09/2026

STT	Tên thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả	Ngưỡng giới hạn cho phép ⁽¹⁾
8	Mùi	-	Cảm quan tại hiện trường	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
9	Coliform tổng số	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014/ Amd.1:2016	< 1	< 1
10	Escherichia coli	CFU/100 mL		< 1	< 1

Ghi chú:

⁽¹⁾ ... Ngưỡng giới hạn tối đa cho phép quy định tại QCVN 01-1:2024/BYT.

- Phương pháp thử nghiệm được công nhận ISO 17025 – VILAS 004.
- Lĩnh vực thực hiện được công nhận ISO 17020 – VIAS 004.

Đánh giá:

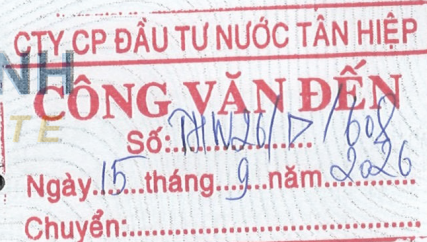
So sánh kết quả thử nghiệm các thông số của mẫu nước nêu trên so với mức quy định tương ứng tại QCVN 01-1:2024/BYT:

- + Thông số **không đạt** : -
 - + Thông số **đạt** : tất cả các thông số
-



CHỨNG THƯ GIÁM ĐỊNH INSPECTION CERTIFICATE

Số: Q326D090971 - Ngày: 14/09/2026



- Đơn vị yêu cầu giám định : Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp
Địa chỉ : Số 226, đường Dương Công Khi, xã Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh
- Văn bản yêu cầu giám định :
 - Giấy yêu cầu và nhận giám định số: Q326D090971 ngày 24/07/2026
- Nội dung yêu cầu giám định : Lấy mẫu, thử nghiệm chất lượng nước sinh hoạt
- Cơ sở tiến hành giám định : QUATEST3 3030:2025, N2.TC.N.01
- Thời gian giám định : Từ 03/09/2026
- Địa điểm giám định : Nhà máy nước Tân Hiệp, số 226, đường Dương Công Khi, xã Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh
- Thiết bị sử dụng :
 - Máy đo pH Seven2Go S2, Mettler Toledo – USA;
 - Máy đo Chlorine DR900, Hach – USA;
- Căn cứ áp dụng/ đánh giá : QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.
- Kết quả giám định : Xem Phụ lục đính kèm

GIÁM ĐỊNH VIÊN



Phạm Quốc Nghĩa

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Đăng Huyền

Ghi chú: Kết quả giám định này chỉ có giá trị đối với các đối tượng giám định nêu trên.

Phụ lục

CHỨNG THƯ GIÁM ĐỊNH

Số: Q326D090971 - Ngày: 14/09/2026

9.1 Nội dung thực hiện

- Vị trí lấy mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm được chỉ định bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp, cụ thể như sau:

Vị trí lấy mẫu	Ký hiệu mẫu	Chỉ tiêu thử nghiệm
Vòi nước dịch vụ tại phòng thí nghiệm	NSH	10 thông số nhóm A nêu tại QCVN 01-1:2024/BYT

- Thông tin về quá trình lấy mẫu và hình ảnh mẫu niêm phong: -
- Hình ảnh vị trí lấy mẫu:



9.2 Kết quả giám định

STT	Tên thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả	Ngưỡng giới hạn cho phép ⁽¹⁾
1	pH	-	Đo tại hiện trường	7,8	Trong khoảng (6,0 – 8,5)
2	Clo dư tự do	mg/L		0,8	Trong khoảng (0,2 – 1,0)
3	Màu sắc	Pt.Co	TCVN 6185:2015	< 5,0	15
4	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023	< 0,5	2
5	Asen (As)	mg/L	US EPA 200.8	< 0,0005	0,01
6	Chỉ số permanganat	mg/L	TCVN 6186:1996	< 1,0	2
7	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	US EPA 350.2 (So màu)	< 0,1	1

Phụ lục
CHỨNG THỬ GIÁM ĐỊNH
Số: Q326D090971 - Ngày: 14/09/2026

STT	Tên thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả	Ngưỡng giới hạn cho phép ⁽¹⁾
8	Mùi	-	Cảm quan tại hiện trường	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
9	Coliform tổng số	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014/ Amd.1:2016	< 1	< 1
10	Escherichia coli	CFU/100 mL		< 1	< 1

Ghi chú:

- ⁽¹⁾ ... Ngưỡng giới hạn tối đa cho phép quy định tại QCVN 01-1:2024/BYT.
- Phương pháp thử nghiệm được công nhận ISO 17025 – VILAS 004.
 - Lĩnh vực thực hiện được công nhận ISO 17020 – VIAS 004.

Đánh giá:

So sánh kết quả thử nghiệm các thông số của mẫu nước nêu trên so với mức quy định tương ứng tại QCVN 01-1:2024/BYT:

- + Thông số **không đạt** : -
- + Thông số **đạt** : tất cả các thông số
-